

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 85/2017/DS-ST

Ngày 20-9-2017

V/v: “Kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2017/QĐXX-ST ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970- Có mặt

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Đường Thị Thu H, sinh năm 1973- Có mặt

Địa chỉ: Đường Y, Buôn P, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964-
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ngõ C, Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào tháng 12/2014 bà H nhiều lần đến nhà bà M đặt vấn đề giúp đỡ con trai bà M là Nguyễn Minh T1 theo học tại trường Trung cấp công an trại giam Đồng Nai, bà M và bà H thỏa thuận bằng lời nói: bà M đưa cho bà H 15.000.000 đồng để chi phí đi lại, nước nôi, ăn ở... để bà H liên hệ xin học cho cháu T1, chứ không phải dùng số tiền này để đưa cho người có quyền cho cháu T1 vào học, nếu không xin cho cháu T1 được vào học thì bà H có trách nhiệm trả lại cho bà M 15.000.000 đồng. Bà M đã đưa 15.000.000 đồng cho bà H tại nhà bà H, vì tin tưởng nên hai bên không làm giấy tờ gì, sau đó việc học của cháu T1 không có tiến triển, không yên T1 nên bà M đã yêu cầu bà H viết giấy cam kết thì bà H lại đưa cho bà M “Giấy làm chứng nhận tiền dùm” không ghi ngày tháng năm, bà M nhiều lần đòi bà H trả tiền thì bà H viết “Giấy cam kết” có người vay tiền là Nguyễn Thị T2 đưa cho bà M, bà M không biết bà T2 cũng như bà S là ai. Do là giáo viên cùng trường nên bà M có đề nghị Ban giám hiệu trường tiểu học Nguyễn Du giải quyết, ngày 04/9/2015 bà M viết “Giấy nhận tiền” bà H có viết xác nhận là đã nhận từ bà M 15.000.000 đồng. Bà H nhiều lần hứa trả lại tiền cho bà M nhưng vẫn không trả. Do đó bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà M số tiền là 15.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Đường Thị Thu H trình bày: Việc giao dịch đặt vấn đề cho Nguyễn Minh T1 con trai bà M theo học tại trường Trung cấp công an là giữa bà M với bà T2 và bà S, do bà H là giáo viên cùng trường với bà M còn bà S là chị họ bà H nên bà S điện thoại nhờ bà H làm chứng trong việc bà M giao tiền cho bà T2 nên bà H đồng ý. Việc giao tiền giữa bà M và bà T2 diễn ra tại quán cà phê, bà M đưa tiền cho bà T2 có sự chứng kiến của bà H. Không có việc bà H hứa với bà M là nếu cháu T1 không được đi học thì bà H có trách nhiệm trả lại cho bà M số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2015 bà M kiện bà H lên ban giám hiệu trường tiểu học Nguyễn Du, bà H đã viết phản hồi ở phía dưới giấy nhận tiền bà M viết là “*Theo giấy ghi của cô M. Tôi có nhận ở cô M 15.000.000đ là đúng sự thật...Tôi chỉ là người làm chứng và nhận tiền ban đầu, sau đó tôi đã đưa đúng 15 triệu cho người xin việc...*” có nghĩa là có trách nhiệm đòi lại số tiền 15.000.000 đồng khi không xin được việc, bà H có về quê nhưng bà S trả lời là đã đưa cho người Đắc Lắc lo việc khi nào người Đắc Lắc trả lại thì bà S trả cho bà M. Nay quan điểm của bà H là khi nào bà S, bà T2 trả lại tiền cho bà H thì sẽ trả lại cho bà M.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2017 bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S và bà M không quen biết, không gặp mặt gì nhau, bà H là em họ của bà S. Bà S không có thỏa thuận gì với bà M về việc xin cho con trai bà M cả, việc này giữa bà T2 và bà M làm việc với nhau, còn bà H chỉ là người làm chứng giữa bà M và bà T2 gặp nhau trao đổi và đi đến thống nhất, bà S không được chứng kiến vụ việc này nên không biết ai giao

tiền ai nhận tiền. Qua điện thoại bà H có nhờ bà S nói giúp bà T2 công việc không lo được thì trả lại tiền cho bà M, bà S có gọi bà T2 lên nhà trao đổi vấn đề này vì qua bà S mà bà H quen biết bà T2. Việc trao đổi giữa bà H với bà T2, bà S không tham gia và không liên quan.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: Buộc bà Đường Thị Thu H trả cho bà M 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết là “Kiện đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S là phù hợp theo quy tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vào tháng 12/2014 bà Đường Thị Thu H có nhận của bà Nguyễn Thị M 15.000.000 đồng, mục đích để chi phí đi lại, nước nôi, ăn ở... để bà H liên hệ xin học cho con bà M là Nguyễn Minh T1 theo học Trung cấp công an trại giam Đồng Nai, sau đó không thực hiện được nhưng bà H không trả lại tiền cho bà M nên bà M đã khởi kiện yêu cầu bà H trả lại số tiền đã nhận.

[3] Xét việc bà H cho rằng bà H chỉ là người làm chứng trong việc bà M giao tiền cho bà T2 là do bà S nhờ, việc giao dịch đặt vấn đề cho con bà M theo học tại trường Trung cấp công an trại giam Đồng Nai là giữa bà M với bà S và bà T2, nhưng cả bà M và bà S đều xác định không gặp mặt, không quen biết nhau và không có thỏa thuận gì về việc xin cho con trai bà M cả, bà S không biết ai giao tiền và ai nhận tiền, tại giấy nhận tiền ngày 04/9/2015 mà bà M giao nộp cho Tòa án, bà H xác nhận “ ... Tôi có nhận ở cô M 15.000.000đ là đúng sự thật...Tôi chỉ là người làm chứng và nhận tiền ban đầu, sau đó tôi đã đưa đúng 15 triệu cho người xin việc... ”; Tại giấy

cam kết bà H viết đưa cho bà M, bà H viết xác nhận: “ ... *Tại quán cà phê tôi đã đưa cho chị T2 số tiền là 15.000.000đ ...* ” như vậy chứng tỏ việc giao dịch cho con bà M đi học là giữa bà M với bà H và bà H là người nhận 15.000.000 đồng từ bà M chứ không phải là người làm chứng trong việc bà M giao tiền cho bà T2.

Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc bà H trả cho bà M 15.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị T2 theo địa chỉ bà H cung cấp; Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xác định bà Nguyễn Thị T2 có địa chỉ tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh hiện không có mặt tại địa phương, bà T2 đi đâu, làm gì không ai biết. Tòa án đã ấn định cho thời gian nhưng bà H không cung cấp được địa chỉ nào khác của bà T2. Nếu bà H đưa số tiền nhận từ bà M cho bà T2 thì bà H được quyền đòi lại bà T2 nếu có yêu cầu.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Đường Thị Thu H phải chịu: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 , điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M

Buộc bà Đường Thị Thu H trả cho bà Nguyễn Thị M 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đường Thị Thu H phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0000190 ngày 11/4/2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư

